| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**KHU VỰC 3 - LẠNG SƠN** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 26/2026/HNGĐ-ST
Ngày 29-4-2026
Về việc Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 - LẠNG SƠN**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Bà Nông Thị Mỹ Phước

*Các Hội thẩm nhân dân*:

Dương Văn Đắc

Bùi Thị Bắc

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Trương Thị Hợi – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân khu vực 3 - Lạng Sơn.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 - Lạng Sơn tham gia phiên toà:*** Bà Lương Thị Kiều - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 4 năm 2026, tại Trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 3 - Lạng Sơn, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 67/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 4 năm 2026 về việc Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 23/2026/QĐST-HNGĐ ngày 14 tháng 4 năm 2026, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Hoàng Thị S, sinh năm 1985. Địa chỉ: Thôn N, xã Tr tỉnh L. Căn cước công dân số: 0201850019341, ngày cấp 12/8/2025, nơi cấp: Cục Quản lý hành chính về trật tự xã hội - Bộ Công an. Có mặt.

- *Bị đơn:* Ông Đỗ Văn O, sinh năm 1976. Địa chỉ: Thôn B, xã Y, tỉnh L. Căn cước công dân số 020076001310, ngày cấp 11/4/2021, nơi cấp: Cục Quản lý hành chính về trật tự xã hội - Bộ Công an. Có mặt.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 18 tháng 3 năm 2026, các lời khai tiếp theo và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Hoàng Thị S trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Hoàng Thị S và anh Đỗ Văn O có quen biết, được tìm hiểu và được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới từ năm 2013 trên cơ sở tự nguyện, không bị ép buộc và chung sống với nhau nhưng do không hiểu biết nên không đi đăng ký kết hôn. Sau khi tổ chức lễ cưới vợ chồng về chung sống tại nhà anh Đỗ Văn O tại thôn B, xã B, huyện V, tỉnh L nay là. Cuộc sống chung

hạnh phúc được một thời gian thì vợ chồng nảy sinh mâu thuẫn, không có tiếng nói chung, ông Đỗ Văn O thường xuyên đuổi bà ra khỏi nhà. Vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 8/2025 đến nay, không quan tâm đến nhau nữa. Nay bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà Hoàng Thị S được ly hôn với ông Đỗ Văn O.

Về con chung: Có 01 con là Đỗ Thị Th, sinh ngày 28/9/2017. Khi ly hôn bà Hoàng Thị S để cho ông Đỗ Văn O được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục con chung đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Bà tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mức 1.000.000 đồng/1 tháng cho đến khi con đủ 18 tuổi. Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết. Về nợ chung: Không có

Bị đơn ông Đỗ Văn O trình bày tại các lời khai và tại phiên tòa: Ông và bà Hoàng Thị S có quen biết, được tìm hiểu và được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới từ năm 2013 trên cơ sở tự nguyện nhưng không đi đăng ký kết hôn. Cuộc sống chung vợ chồng hạnh phúc, không có mâu thuẫn gì, ông cũng chưa chửi mắng bà Hoàng Thị S bao giờ, nhưng do bà Hoàng Thị S có quan hệ ngoại tình, bỏ nhà đi đến nhà người đàn ông khác sinh sống, nay bà Hoàng Thị S không về với ông nữa, vợ chồng ly thân từ tháng 8/2025 cho đến nay, không còn quan tâm lẫn nhau, tình cảm vợ chồng không còn, bà Hoàng Thị S xin ly hôn ông cũng đồng.

Về con chung: Ông Đỗ Văn O trình bày giống với ý kiến trình bày của bà Hoàng Thị S về con chung. Hiện nay ông Đỗ Văn O đang trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng  Đỗ Thị Th. Khi ly hôn ông đồng ý về việc bà Hoàng Thị S để cho ông được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục con chung đến đủ 18 tuổi. Về cấp dưỡng, ông không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, tại phiên tòa bà Hoàng Thị S tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 1.000.000 đồng/1 tháng cho đến khi con đủ 18 tuổi ông cũng đồng ý với ý kiến của bà Hoàng Thị S. Không yêu cầu bà Hoàng Thị S phải chịu lãi suất nếu chậm thi hành tiền cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết. Về nợ chung: Không có.

Toà án nhân dân khu vực 3 - Lạng Sơn đã tiến hành xác minh tình trạng hôn nhân của đương sự. Tại Công văn số 314/UBND-VP ngày 10/4/2026, UBND xã Y, tỉnh L cho biết: Ông Đỗ Văn O và bà Hoàng Thị S có tổ chức lễ cưới và chung sống với nhau tại Thôn B, xã Y, tỉnh L. Qua kiểm tra sổ đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Y, tỉnh L thì ông Đỗ Văn O và bà Hoàng Thị S chưa đăng ký kết hôn. Trong quá trình chung sống hai bên không phát sinh mâu thuẫn, nhưng đến năm 2025 bà Hoàng Thị S bỏ đi khỏi nhà, không về địa phương. Về con chung: Bà Hoàng Thị S và ông Đỗ Văn O có con chung là  Đỗ Thị Thsinh ngày 28/09/2017 hiện nay đang sinh sống cùng ông Đỗ Văn O tại Thôn B, xã Y, tỉnh L, không bị ngược đãi. Hiện nay ông Đỗ Văn O làm công việc lao động tự do thu nhập khoảng 3.000.000 đồng đến 4.000.000 đồng/tháng. Bà Hoàng Thị S, do không có mặt tại địa phương, không có phương thức liên lạc, do vậy, UBND xã Yên Phúc không xác định được mức thu nhập cụ thể. Mức chi phí tối thiểu để chăm sóc, nuôi dưỡng đảm bảo điều kiện học tập, phát triển bình thường đối với cháu bé độ tuổi cháu  Đỗ Thị Th, là từ 1.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng/một tháng/ một cháu.

Tòa án đã mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ. Do quan hệ hôn nhân của bà Hoàng Thị S và ông Đỗ Văn O không có đăng ký kết hôn, do vậy Tòa án không tiến hành hòa giải về quan hệ hôn nhân. Tại phiên hòa giải nguyên đơn, bị đơn thỏa thuận bà Hoàng Thị S được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung là  Đỗ Thị Th, ông Đỗ Văn O không cần cấp dưỡng nuôi con. Tại phiên tòa hai bên thỏa thuận ông Đỗ Văn O được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu  Đỗ Thị Th. Ông Đỗ Văn O không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, nhưng bà Hoàng Thị S tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mức 1.000.000 đồng/1 tháng cho đến khi con đủ 18 tuổi, được ông Đỗ Văn O đồng ý và không yêu cầu bà Hoàng Thị S phải chịu lãi suất chậm trả đối với khoản tiền cấp dưỡng nuôi con.

Quá trình giải quyết vụ án tại biên bản lời khai ngày 10/4/2026 cháu  Đỗ Thị Th, trình bày hiện nay đang ở với bố là Đỗ Văn O. Sau khi bố, mẹ ly hôn cháu có nguyện vọng muốn được ở với mẹ là Hoàng Thị S. Tại biên bản lấy lời khai ngày 28/4/2026 cháu Đỗ Thị Th, trình bày thay đổi ý kiến khi bố mẹ ly hôn cháu có nguyện vọng ở với bố là Đỗ Văn O, vì hiện nay cháu đang sinh sống, học tập ổn định tại Thôn B, xã Y, tỉnh L.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu: Qua kiểm sát việc tuân theo pháp luật từ khi thụ lý vụ án đến trước khi xét xử Thẩm phán đã xác định đúng thẩm quyền, quan hệ pháp luật, tiến hành tố tụng thu thập tài liệu chứng cứ và tống đạt các văn bản, quyết định đúng trình tự thủ tục tố tụng. Quá trình tiến hành tố tụng tại phiên tòa của Hội đồng xét xử, Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Những người tham gia tố tụng thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ khi tham gia tố tụng.

Về việc giải quyết vụ án, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53, các Điều 81, 82, 83, 107, 116 và Điều 117 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự. Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễm, giảm, thu ,nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Về quan hệ vợ chồng: Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố không công nhận bà Hoàng Thị S và ông Đỗ Văn O là vợ chồng. Về con chung: Tại phiên tòa hai bên thỏa thuận ông Đỗ Văn O được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu  Đỗ Thị Th, sinh ngày 28/8/2017 cho đến tuổi trưởng thành (18 tuổi) và đây cũng là nguyện vọng của cháu  Đỗ Thị Th. Ông Đỗ Văn O không yêu cầu cấp dưỡng, nhưng ghi nhận sự tự nguyện của bà Hoàng Thị S cấp dưỡng nuôi con chung 1.000.000 đồng/1 tháng cho đến khi con chung đến tuổi trưởng thành (18 tuổi). Bà Hoàng Thị S có quyền hỏi thăm con chung không ai được cản trở. Về án phí: Tại phiên tòa bà Hoàng Thị S có đơn xin miễn án phí, do đó bà Hoàng Thị S được miễn án phí theo quy định. Quá trình kiểm sát việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Viện kiểm sát không có kiến nghị gì.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn cư trú tại Thôn B, xã Y, tỉnh L nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 3 - Lạng Sơn theo quy định điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Hoàng Thị S và ông Đỗ Văn O có tổ chức cưới và chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2013, có đủ điều kiện đăng ký kết hôn nhưng do không hiểu biết pháp luật nên đến nay ông, bà không đi đăng ký kết hôn theo quy định, có xác nhận của Ủy ban nhân dân xã Y, tỉnh L. Quá trình chung sống hai bên xảy ra mâu thuẫn và đã sống ly thân từ năm 2025 cho đến nay, không quan tâm đến nhau nữa. Nay bà Hoàng Thị S xin ly hôn được ông Đỗ Văn O đồng ý. Hội đồng xét xử thấy, do cuộc hôn nhân của bà Hoàng Thị S và ông Đỗ Văn O không có đăng ký kết hôn, không tuân thủ theo quy định tại khoản 1 Điều 9; khoản 1 Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình, do vậy Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình, khoản 4 Điều 3 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 không công nhận bà Hoàng Thị S và ông Đỗ Văn O là quan hệ vợ chồng.

[3] Về con chung và cấp dưỡng nuôi con: Bà Hoàng Thị S và ông Đỗ Văn O có 01 con chung là  Đỗ Thị Th, sinh ngày 28/9/2017. Tại phiên tòa bà Hoàng Thị S để cho ông Đỗ Văn O được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Đỗ Thị Th. Ông Đỗ Văn O không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nhưng bà Hoàng Thị S tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mức 1.000.000 đồng/1 tháng cho đến khi con đến tuổi trưởng thành (18 tuổi), được ông Đỗ Văn O đồng ý. Xét thấy, hiện nay cháu  Đỗ Thị Thđang ở với ông Đỗ Văn O, được đảm bảo cuộc sống, học tập ổn định tại Thôn B, xã Y, tỉnh L không bị ngược đãi. Ông Đỗ Văn O có chỗ ở ổn định, mức thu nhập khoảng 3.000.000 đồng đến 4.000.000 đồng/1 tháng. Còn bà Hoàng Thị S hiện nay là lao động tự do, đi làm công ty nhưng là hợp đồng theo thời vụ, mức thu nhập cũng khoảng 4.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng/1 tháng, chưa có chỗ ở ổn định. Việc thỏa thuận của hai bên về nuôi con và và việc bà Hoàng Thị S tự nguyện cấp dưỡng nuôi con là hoàn toàn tự nguyện, không bị ép buộc và phù hợp với nguyện vọng của cháu  Đỗ Thị Th. Ông Đỗ Văn O không yêu cầu bà Hoàng Thị S chịu lãi suất chậm trả đối với khoản tiền cấp dưỡng nuôi con. Do vậy Hội đồng xét xử công nhận sự thỏa thuận nêu trên là phù hợp Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về tài sản chung và vay nợ chung: Quá trình giải quyết vụ án hai bên trình bày không yêu cầu giải quyết về tài sản, không có nợ chung. Do vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 - Lạng Sơn phù hợp với các nhận định nêu trên nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Về án phí: Nguyên đơn là người dân tộc thiểu số, sinh sống tại xã vùng III, có điều kiện kinh tế, xã hội đặc biệt khó khăn, có đơn xin miễn án phí, do

vậy được miễn án phí theo quy định.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 271, Điều 273; điểm a khoản 2 Điều 482 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 1 Luật số 85/2025/QH15 của Quốc Hội.

Căn cứ khoản 1 Điều 9; khoản 1 Điều 14; khoản 2 Điều 53; các Điều 81, 82, 83, 84; 107; 110; 116; 117 Luật Hôn nhân gia đình; Khoản 4 Điều 3 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016;

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

**1.** Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận bà Hoàng Thị S và ông Đỗ Văn O là vợ chồng.

**2.** Về con chung và cấp dưỡng nuôi con: Công nhận sự thỏa thuận của bà Hoàng Thị S và ông Đỗ Văn O. Ông Đỗ Văn O được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Đỗ Thị Th, sinh ngày 28/9/2017 cho đến khi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Bà Hoàng Thị S tự nguyện cấp dưỡng nuôi con số tiền là 1.000.000 đồng/tháng (Một triệu đồng trên một tháng). Phương thức cấp dưỡng theo tháng, thời điểm cấp dưỡng kể từ ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi cháu Đỗ Thị Thđủ 18 tuổi. Bà Hoàng Thị S không phải chịu lãi suất chậm trả đối với số tiền cấp dưỡng nuôi con.

Bà Hoàng Thị S không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở. Khi cần thiết, hai bên đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

**3.** Về án phí: Bà Hoàng Thị S được miễn án phí sơ thẩm. Trả lại cho bà Hoàng Thị S số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu số 0000626 ngày 31/3/2026 của Thi hành án dân sự, tỉnh Lạng Sơn.

**4.** Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

***Nơi nhận:***
- TAND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND khu vực 3 - Lạng Sơn
- Phòng THADS tỉnh Lạng Sơn.
- UBND xã Y, tỉnh L.
- Các đương sự (Theo địa chỉ);
- Lưu: HS + Tổ HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
*(Đã ký)*

**Nông Thị Mỹ Phước**